

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 8 -2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị D, sinh năm 1989, địa chỉ thường trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh K, địa chỉ tạm trú: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1986, địa chỉ thường trú : Ấp P, Xã T, huyện T, tỉnh K, địa chỉ tạm trú : Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà trình bày:

Bà D và ông Dương có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh K vào ngày 18/8/2011. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc. Ông D1 thường đi nhậu nói xấu bà D không ra gì. Về nhà vợ chồng lại cãi vã xích mích nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà D đã ở riêng được 01 tháng. Khi ở riêng thì ông D1 nhắn tin chửi bới bà D chứ không có nói chuyện hàn gắn gia đình. Do đó, bà D yêu cầu được ly hôn với ông D1 để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh năm 2011. Con chung hiện đang ở với ông D1 và bên nội chăm sóc cháu để đi học. Mặc dù ông Dương không đến tham gia phiên tòa, nhưng tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà D và ông D1 đều thống nhất ông D1 tiếp tục nuôi con. Do đó, bà D đề nghị Tòa án cho ông D1 tiếp tục nuôi con. Bà D không cấp dưỡng nuôi con, bà D sẽ tự nguyện cấp dưỡng riêng cho con không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Bà D không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, lời khai tại các Biên bản hòa giải, Biên bản về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn ông Nguyễn Văn D1 trình bày:

Ông D1 và bà D có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh K vào ngày 18/8/2011. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chung sống hạnh phúc. Hai vợ chồng lên làm ăn và sinh sống tại B, tỉnh B từ năm 2014. Hiện nay tông D1 đang tạm trú tại Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, cũng thường xuyên cãi vã nhau, xích mích nhau hàng ngày và không có tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đã ly thân và sống riêng được 01 tháng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Ông D1 có nói chuyện nhưng bà D không đồng ý hàn gắn và vẫn ở riêng, ông D1 cũng không có giải pháp nào hàn gắn gia đình được.

Tuy nhiên, ông D1 không đồng ý ly hôn vì con chung mới 11 tuổi, ông D1 muốn con cái đủ cha đủ mẹ.

Về con chung: Ông D1 và bà D có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh năm 2011. Ông D1 không yêu cầu giải quyết vì ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà D vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông D1 làm Công ty T thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà D giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D để bà sớm ổn định cuộc sống.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn ông Nguyễn Văn D1 nhưng ông D1 vắng mặt không có lý do.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con; ông Nguyễn Văn D1 có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông D1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông D1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân:

Bà D và ông D1 thống nhất trình bày bà D và ông D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh K vào ngày 18/8/2011. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà D và ông D1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà D và ông D1 đều thừa nhận vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xích mích hàng ngày và không có tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đã ly thân và sống riêng được 01 tháng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Ông D1 có nói chuyện nhưng bà D không đồng ý hàn gắn và vẫn ở riêng, ông D1 cũng không có giải pháp nào hàn

gắn gia đình được. Tuy nhiên, ông D1 không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái thiếu cha thiếu mẹ.

Tại Biên bản xác minh, đại diện ban điều hành khu phố 3, phường T, thị xã B cung cấp: Ông Nguyễn Văn D1 có tạm trú tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân nảy sinh tranh chấp giữa bà D và ông D1 thì địa phương không nắm rõ.

Tòa án đã cho bà D và ông D1 thời gian để suy nghĩ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng giữa bà D và ông D1 không đưa ra được giải pháp để hàn gắn gia đình. Tòa án triệu tập ông D1 tham gia phiên tòa nhưng ông D1 vắng mặt không có lý do. Do đó, mâu thuẫn giữa bà D và ông D1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà D được ly hôn với ông D1 để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn bà D được ly hôn với bị đơn ông D1.

[2.2] Về con chung:

Ông D1 và bà D có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh năm 2011. Tại Biên bản lấy khai, Biên bản hòa giải bà D và ông D1 đều thống nhất trình bày con chung hiện đang ở với ông D1 và đi học ổn định, bà D và ông D1 đều đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông D1 nuôi, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu K hiện đang ở với ông D1, ông D1 trình bày thu nhập của ông là 10.000.000 đ/tháng. Bà D cũng đồng ý giao con cho ông D1, bà D có đơn xin nhường quyền nuôi con cho ông D1. Nguyên vọng của cháu K là được ở với ông D1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu K cho ông D1 nuôi, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, ông D1 không tranh chấp, không có yêu cầu phản tố về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D1 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn D1.

- Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Đăng K, sinh năm 2011 cho ông Nguyễn Văn D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà D hoặc ông Dương có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005278 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích

